TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 235/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28-9-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Tân

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa****:* Ông Hà Văn Dỏn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 216/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị A; nơi cư trú: Thôn ĐP, xã HB, huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quang B; nơi ĐKHKTT: Thôn LS, xã NT, huyện SL, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú cuối cùng: Thôn ĐP, xã HB, huyện TN, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Hàn Quốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn là Chị Trịnh Thị A trình bày:

Chị Trịnh Thị A kết hôn với Anh Nguyễn Quang B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân (UBND) tại UBND xã Như Thụy, huyện Lập Thạch (nay là huyện Sông Lô), tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 09/9/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc và đã có với nhau hai con chung. Quá trình chung sống anh chị nảy sinh mâu thuẫn do không cùng chung quan điểm sống, lối sống. Từ khi Anh Nguyễn Quang B sang Hàn Quốc sinh sống và làm việc, mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng căng thẳng, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Hai bên gia đình, bạn bè đã khuyên bảo, hòa giải mâu thuẫn giữa hai anh chị nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã ly thân một thời gian dài nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Nguyễn Quang B. Địa chỉ cụ thể ở Hàn Quốc của Anh Nguyễn Quang B chị không biết nên không cung cấp được cho Tòa án. Chị được biết Anh Nguyễn Quang B vẫn thường xuyên liên lạc về nhà với mẹ đẻ của Anh Nguyễn Quang B là Nguyễn Thị Minh; nơi cư trú: Khu 6, thôn Liên Sơn, xã Như Thụy, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Phương Thảo, sinh ngày 16 tháng 5 năm 2009 và cháu Nguyễn Quang Trường, sinh ngày 21 tháng 12 năm 2014. Ly hôn, Chị Trịnh Thị A có nguyện vọng nuôi dưỡng hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đối với bị đơn là Anh Nguyễn Quang B:

Sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà Nguyễn Thị Minh – là mẹ đẻ của Anh Nguyễn Quang B. Tòa án đã thông báo cho bà Nguyễn Thị Minh cung cấp địa chỉ cụ thể của Anh Nguyễn Quang B ở Hàn Quốc và yêu cầu bà Nguyễn Thị Minh cho biết kết quả về việc bà đã thông báo cho Anh Nguyễn Quang B để gửi lời khai đối với yêu cầu xin ly hôn của Chị Trịnh Thị A cho Tòa án. Bà Nguyễn Thị Minh trình bày Anh Nguyễn Quang B vẫn liên lạc qua điện thoại với bà và gia đình nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể Anh Nguyễn Quang B ở đâu do Anh B không cung cấp. Bà đã thông báo cho Anh Nguyễn Quang B về yêu cầu của Tòa án tuy nhiên Anh B không thực hiện việc cung cấp địa chỉ và gửi lời khai về cho Tòa án. Qua trao đổi qua điện thoại với bà, Anh B có quan điểm đồng ý ly hôn với Chị A. Về con chung: Anh B và Chị A có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Phương Thảo ,sinh ngày 16 tháng 5 năm 2009 và cháu Nguyễn Quang Trường, sinh ngày 21 tháng 12 năm 2014, hiện đang ở với Chị A. Ly hôn, Anh B đồng ý giao hai con chung cho Chị A trực tiếp nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của bà Nguyễn Thị Minh:

Về quan hệ hôn nhân: Anh B và Chị A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại tại UBND xã Như Thụy, huyện Lập Thạch (nay là huyện Sông Lô), tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 09/9/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và đã có với nhau 02 con chung. Quá trình chung sống anh chị nảy sinh mâu thuẫn do không cùng chung quan điểm sống, lối sống. Gia đình hai bên đã khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Hiện nay, anh chị sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Bà đề nghị Tòa án giải quyết cho Chị A được ly hôn Anh B. Về con chung: Đề nghị giao hai con chung cho Chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung: Anh B, Chị A không yêu cầu giải quyết, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn có đề nghị xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho Chị Trịnh Thị A được ly hôn Anh Nguyễn Quang B. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Phương Thảo, sinh ngày 16 tháng 5 năm 2009 và cháu Nguyễn Quang Trường, sinh ngày 21 tháng 12 năm 2014 cho Chị Trịnh Thị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung và về tài sản chung, Chị Trịnh Thị A không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Ngoài ra đề nghị giải quyết về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về việc ly hôn. Nguyên đơn là Chị Trịnh Thị A hiện nay đang sinh sống tại thành phố Hải Phòng, bị đơn là Anh Nguyễn Quang B có nơi cư trú cuối cùng ở Hải

Phòng, hiện đang sinh sống ở Hàn Quốc, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Chị Trịnh Thị A có đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Quang B vắng mặt tại địa phương, sinh sống ở nước ngoài nhưng không cung cấp được địa chỉ cho Tòa án và nguyên đơn biết. Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng, Anh Nguyễn Quang B đã biết các văn bản tố tụng của Tòa án được gửi cho anh thông qua bà Nguyễn Thị Minh nhưng Anh Nguyễn Quang B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị A và Anh Nguyễn Quang B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Như Thụy, huyện Lập Thạch (nay là huyện Sông Lô), tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 09/9/2008. Theo Điều 9, Điều 10 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của Chị A và mẹ đẻ của Anh B (bà Nguyễn Thị Minh) trình bày quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp dẫn đến việc vợ chồng không có tiếng nói chung. Dù anh chị đã được hai bên gia đình đã khuyên bảo, hòa giải nhưng mâu thuẫn vẫn không thể hàn gắn. Chị A trình bày từ khi Anh B sang Hàn Quốc đến nay Anh B chưa trở về Việt Nam, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Về phía Anh B, qua lời trình bày của mẹ đẻ Anh B thì Anh B đã biết việc Chị A có đơn xin ly hôn với anh tại Tòa án, tuy nhiên anh không gửi văn bản trình bày ý kiến về cho Tòa án mà trao đổi bằng điện thoại với bà Minh việc Anh B đồng ý ly hôn với Chị A. Xét thấy, Chị A không còn tình cảm vợ chồng với Anh B, đời sống hôn nhân giữa anh chị không tồn tại, vợ chồng sống ly thân trong một thời gian dài, mỗi người ở một nơi nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Trịnh Thị A đối với Anh Nguyễn Quang B.

[4] Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Phương Thảo, sinh ngày 16 tháng 5 năm 2009 và cháu Nguyễn Quang Trường, sinh ngày 21 tháng 12 năm 2014, hiện nay đang ở với Chị A. Ly hôn, Chị A yêu cầu giao hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Qua lời trình bày của mẹ đẻ Anh B thì Anh B đồng ý giao hai con chung cho Chị A trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác, cháu Nguyễn Thị Phương Thảo và cháu Nguyễn Quang Trường có nguyện vọng muốn được ở với mẹ trong trường hợp bố mẹ các cháu ly hôn. Do đó, việc Chị A yêu cầu giao hai

con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình và phù hợp với nguyện vọng của các con chung nên cần chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên cần ghi nhận việc Chị A tạm thời không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Chị Trịnh Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trịnh Thị A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Trịnh Thị A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị A được ly hôn Anh Nguyễn Quang B.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Thị Phương Thảo, sinh ngày 16 tháng 5 năm 2009 và cháu Nguyễn Quang Trường, sinh ngày 21 tháng 12 năm 2014 cho Chị Trịnh Thị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Ghi nhận việc Chị Trịnh Thị A tạm thời không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Chị Trịnh Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trịnh Thị A phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000063 ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Trịnh Thị A đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Trịnh Thị A (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Quang B (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Như Thụy, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Hồ Điệp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Trần Ngọc Tân - Vũ Thị Minh Nguyệt	**Đặng Hồ Điệp**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đỗ Xuân Quyết - Nguyễn Thị Luyến	**Đặng Hồ Điệp**